TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HS-ST
Ngày: 26-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Nguyệt Ánh;

Bà Hồ Thị Lệ Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Vy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2018/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Đào Văn B, Tên gọi khác: /; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Đào Văn N và bà Quách Thị Ngọc A2 ; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 30/9/2017, đến ngày 03/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Mai Ngọc A; tên gọi khác: T2; giới tính: Nữ; sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường B, Phường M, Quận T, Tp. HCM: tạm trú: Khu phố T, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Mai Viết H (tên khác Mai Viết H1) và bà Đặng Thị S; có chồng (đã ly hôn) và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Bảo T; tên gọi khác: /; giới tính: Nữ; sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: ấp N, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn An B và Đặng Thị Cẩm T; chưa có chồng con; tiền án, tiền

sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Quách Thị Ngọc A2 sinh năm 1961; trú tại: ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 14/01/2018, Đội Cảnh sát Hình sự Công an Quận 7 trên đường tuần tra phát hiện Đào Văn B, Nguyễn Thị Bảo T có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra phát hiện trên người T có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus, sim 0938.246.756 lưu tin nhắn mua bán ô số đề ngày 14/01/2018 với số tiền trên phơi 7.790.000 đồng và số tiền mặt thu giữ là 6.451.000 đồng.

Tại Công an Quận 7, T và B khai nhận: bị cáo B bán số đề cho các con bạc từ 14 giờ đến 18 giờ (đài miền Nam và miền Bắc) được khoảng 02 tháng; để thuận tiện trong việc nhắn tin mua bán số đề bị cáo B dùng điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus, sim 0938.246.756 của T làm phương tiện nhắn tin mua bán ô số đề với các con bạc để hưởng tiền hoa hồng. Hằng ngày B nhận tin nhắn mua số đề của các con bạc qua điện thoại của T, trả lời xác nhận, tổng hợp phơi đề nhắn tin giao phơi cho người tên T1 (sử dụng số điện thoại 0121.868.1818, chưa xác minh được nhân thân, lai lịch) để hưởng tiền hoa hồng 6% trên tổng số tiền ghi đề, sau đó nhận tiền chung, chi tiền thắng thua cho các con bạc; T là vợ chưa cưới của bị cáo B, khi B bận công việc thì T nhắn tin trả lời xác nhận bán số đề cho con bạc, bị cáo T đã nhắn tin mua bán số đề giúp bị cáo B được 2, 3 lần và cùng B đi chung tiền thắng thua cho các con bạc.

Ngoài số tiền hoa hồng được hưởng từ đối tượng tên T1 thì B, T còn được hưởng số tiền tỷ lệ chênh lệch (1 lai) từ các con bạc ghi đề trúng, cụ thể: B được T1 quy định: nếu con bạc mua ô số đề con số có 02 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 75.000 đồng; con bạc mua ô số đề có 03 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 650.000 đồng; con bạc mua ô số đề con số có 04 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 5.500.000 đồng. B và T quy định tỷ lệ thắng thua với con bạc: con bạc mua ô số đề con số có 02 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 74.000 đồng; con bạc mua ô số đề 03 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 640.000 đồng; con bạc mua ô số đề con số 04 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 5.400.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số, B gọi điện cho con bạc, hẹn gặp chung chi tiền thắng thua, còn T1 thì khoảng 13 giờ ngày hôm sau điện thoại hẹn gặp B ở đường D, Quận M để tính toán tiền thắng thua với B. Từ lúc ghi đề đến lúc bị bắt B, T thu lợi bất chính số tiền 6.750.000 đồng, cả hai sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng tháng 12/2017, B rủ Mai Ngọc A (tên gọi khác: T2) tham gia bán số đề cho các con bạc rồi gửi tin nhắn giao phơi đề lại cho B để hưởng hoa hồng. B trích 3% hoa hồng từ 6% tiền hoa hồng hưởng được từ T1 cho bị cáo A, ngoài ra A còn được hưởng tiền trúng đề 01 lai từ các con bạc ghi đề trúng, cụ thể A được B quy định: con bạc mua ô số đề con số có 02 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 74.000 đồng; con bạc mua ô số đề con số có 03 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 640.000 đồng; con bạc mua ô số đề con số 04 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 5.400.000 đồng. A quy định tỷ lệ thắng thua với con bạc: nếu con bạc mua ô số đề con số có 02 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 73.000 đồng; con bạc mua ô số đề 03 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn 630.000 đồng; con bạc mua ô số đề con số 04 chữ số trúng thì 1.000 đồng ăn

5.300.000 đồng. Từ lúc ghi đề đến lúc bị bắt, A thu lợi bất chính số tiền 6.080.000 đồng, dùng tiêu xài cá nhân và đánh đề hết.

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/01/2018, B, T vừa tới nhận số tiền 6.451.000 đồng chung đề của bị cáo A (đã ghi vào ngày 12/01/2018 và 13/01/2018) tại phòng trọ của A ở địa chỉ khu phố T, phường H, Quận B. Do không có túi quần nên B đưa số tiền 6.451.000 đồng cho T giữ. Khi cả hai đang lưu thông trên đường S thì bị Công an Quận 7 kiểm tra, bắt giữ cùng tang vật.

Tại Công an Quận 7, bị cáo A khai nhận số tiền 6.451.000 đồng mà Công an thu giữ trong túi của bị cáo T là tiền của A đã ghi đề, chung chi cho B vào các ngày 12/01/2018 B biên đề cho A số tiền 8.375.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số, B hưởng lợi 271.250 đồng, A hưởng lợi 271.250 đồng; ngày 13/01/2018 B biên đề cho A số tiền 11.113.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số B hưởng lợi 363.390 đồng, A hưởng lợi 363.390 đồng. B là người trả lời xác nhận tin nhắn bán đề cho A; Việc mua ô số đề ngày 14/01/2018 với số tiền trên phơi 7.790.000 đồng là của A nhắn tin mua đề nhưng B chưa trả lời xác nhận đồng ý.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Văn B, Nguyễn Thị Bảo T, Mai Ngọc A khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 6.451.000 đồng là tiền do bị cáo Mai Ngọc A đã ghi đề, thanh toán tiền ghi đề cho B, T vào các ngày 12/01/2018; 13/01/2018.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S plus màu vàng (sim số 0938.246.756), số Imei: 353288075292239 thu giữ của Nguyễn Thị Bảo T.

- 01 (một) điện thoại di động Sam sung J3 màu vàng (sim số 0126.9862918) thu giữ của Mai Ngọc A.

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Vespa, màu trắng, biển số 59N2-367.30; số khung: 66601DV-000188; số máy: M66AM-5001745; qua xác minh xe do bị cáo Đào Văn B đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bị cáo B đã sử dụng làm phương tiện đi giao và thu tiền phơi đề.

Bản Cáo trạng số 70/CT-VKSQ7 ngày 01/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp. HCM đã truy tố các bị cáo Đào Văn B, Nguyễn Thị Bảo T và Mai Ngọc A về tội Đánh bạc theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo B và T khai nhận trong thời gian ghi số đề các bị cáo B thu lợi được số tiền 6.750.000 đồng, bị cáo A thu lợi được số tiền 6.080.000 đồng các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết; trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Đào Văn B từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị

Bảo T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Mai Ngọc A từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Đề nghị xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S plus màu vàng thu giữ của Nguyễn Thị Bảo T và 01 (một) điện thoại di động Sam sung J3 màu vàng thu giữ của Mai Ngọc A là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để nhắn tin mua bán số đề nên tịch thu sung quỹ. Đối với số tiền 6.451.000 đồng thu giữ của bị cáo B và T đây là tiền do bị cáo Mai Ngọc A đã ghi đề, thanh toán tiền ghi đề cho B, T vào các ngày 12/01/2018; 13/01/2018 nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Vespa, màu trắng, biển số 59N2-367.30 Số khung: 66601DV-000188; số máy: M66AM-5001745 xe thuộc sở hữu của bị cáo Đào Văn B. B dùng làm phương tiện đi giao và thu tiền phơi đề nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với người tên T1 là người nhận phơi đề của B, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét, xử lý sau.

Đối với những người mua số đề của B, A do không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ, không lưu số điện thoại nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục truy xét, xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo vì tham lam tư lợi, đã lợi dụng vào việc Nhà nước cho xổ số để ghi bán số đề ăn thua trực tiếp với nhau và với các con bạc. Các bị cáo trực tiếp nhận bán số đề cho những người mua số đề và bán số đề bằng tin nhắn qua điện thoại, sau đó tiếp tục nhắn tin giao lại phơi đề qua điện thoại để hưởng tiền hoa hồng, tỷ lệ thắng thua chênh lệch. Do đó đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác đồng thời gây ảnh hưởng xấu về mặt

gia đình, xã hội. Để đấu tranh phòng và chống tệ nạn cờ bạc, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tài sản của công dân, xét cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và ngăn ngừa chung trong xã hội.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Các bị cáo đều có việc làm không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo A là lao động chính, phải trực tiếp nuôi các con còn nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Đối với người tên T1 là người nhận phơi đề của B, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét, xử lý sau.

Đối với những người mua số đề của các bị cáo B và A do không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ, không lưu số điện thoại nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục truy xét, xử lý sau.

Xử lý vật chứng vụ án:

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Bảo T và chiếc điện thoại di động hiệu SamSung J3 màu vàng thu giữ của bị cáo Mai Ngọc A là phương tiện đề các bị cáo liên lạc nhắn tin mua bán số đề và số tiền 6.451.000 đồng thu giữ trong người của bị cáo T là số tiền mua bán số đề nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Vespa, màu trắng, biển số 59N2-367.30 Số khung: 66601DV-000188; số máy: M66AM-5001745 xe do bị cáo Đào Văn B đứng tên đăng ký chủ sở hữu; bị cáo đã sử dụng làm phương tiện đi giao và thu tiền mua bán số đề, bà A2 có đơn xin xem xét trả lại chiếc xe là không có cơ sở chấp nhận nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đào Văn B, Nguyễn Thị Bảo T, Mai Ngọc A phạm tội "Đánh bạc ".

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010:

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn B 01 (một) năm tù được trừ đi thời gian tạm giam bị cáo từ ngày 30/9/2017 đến ngày 03/10/2017 nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày 26/9/2018.

Giao bị cáo Đào Văn B cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Đào Văn B cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bảo T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày 26/9/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bảo T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị Bảo Trân cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010:

Xử phạt bị cáo Mai Ngọc A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày 26/9/2018.

Giao bị cáo Mai Ngọc A cho Ủy ban nhân dân phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thủ thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Mai Ngọc A cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

4.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S plus màu vàng (sim số 0938.246.756), số Imei: 353288075292239, 01 (một) điện thoại di động Sam sung J3 màu vàng (sim số 0126.9862918) và số tiền 6.451.000 (sáu triệu, bốn trăm năm mươi mốt ngàn) đồng và 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Vespa, màu trắng, biển số 59N2-367.30, số khung: 66601DV-000188; số máy: M66AM-5001745.

4.2. Buộc bị cáo Đào Văn B phải nộp lại số tiền 6.750.000 (sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, buộc bị cáo Mai Ngọc A phải nộp lại số tiền 6.080.000 (sáu triệu, không trăm tám mươi ngàn) đồng để sung quỹ nhà nước

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 75 ngày 17/5/2018 của Chi cục THADS Quận 7 và Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 06/02/2018).

5. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền các bị cáo B, bị cáo A phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, nếu các bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo tại phiên tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo; đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ; (Vy) .